

Bản án số: 76/2019/DS-ST

Ngày: 04-7-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Ông Phạm Thành Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đinh Phương H**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thúy L**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Phan Văn Q**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H có mặt, chị L và anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đinh Phương H trình bày:

Ông và vợ chồng chị L, anh Q là hàng xóm, quen biết với nhau đã lâu nên ngày 09/4/2015 ông có cho chị L, anh Q vay số tiền 26.000.000 đồng. Khi vay, chị L và anh Q nói mục đích vay để trả nợ ngân hàng, thời hạn một tuần trả và có viết “Biên nhận” đề ngày 09/4/2015, chị L có ký tên và ghi họ tên người nhận. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 6%/ tháng nhưng không có ghi trong giấy biên nhận và thực tế từ ngày vay đến nay cũng chưa đóng tiền lãi lần nào. Hết hạn một tuần nhưng chị L, anh Q không trả nợ như đã hứa, ông nhiều lần đến nhà để yêu cầu trả tiền cho ông nhưng vợ chồng chị L, anh Q không trả nên ông khởi kiện yêu cầu chị L và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã vay là 26.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngoài việc yêu cầu trả tiền gốc, ông còn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 09/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 04/12/2018 là $44 \text{ tháng} \times 0.8\% / \text{tháng} \times 26.000.000 \text{ đồng} = 9.152.000 \text{ đồng}$ nhưng nay ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L, anh Q không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Phương H. Buộc chị Nguyễn Thúy L và anh Phan Văn Q trả số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đinh Phương H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Thúy L, anh Phan Văn Q. Chị L, anh Q có nơi cư trú tại ấp Ấp X, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thúy L là bị đơn, anh Phan Văn Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh Q.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, các đương sự không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, chữ số, không có yêu cầu thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng trong vụ án, không yêu cầu triệu tập người làm chứng.

[2] Về nội dung:

Ông H yêu cầu chị L và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 26.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Chứng cứ để ông H khởi kiện là giấy “Biên nhận” đề ngày 09/4/2015, bên dưới có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thúy L. Ông H cho rằng chị L, anh Q nói vay để trả nợ ngân hàng, hứa một tuần trả cả gốc và lãi nhưng không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh Q không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, cũng không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ mà ông H làm căn cứ khởi kiện nên phải chịu hậu quả bất lợi.

Qua xác minh tại địa phương được biết chị Nguyễn Thúy L và anh Phan Văn Q là vợ chồng hợp pháp, cùng sống chung và làm ăn chung từ trước năm 2015 (trước thời điểm vay tiền của ông H). Vì vậy, ông Đinh Phương H yêu cầu chị L và anh Q phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay 26.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận nên buộc chị L và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 26.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L, anh Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.300.000 đồng ($26.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.300.000 \text{ đồng}$).

Trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 878.800 đồng theo biên lai thu số 0000058 ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQL4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Phương H.

Buộc chị Nguyễn Thúy L và anh Phan Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Phương H số tiền là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thúy L và anh Phan Văn Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trả lại cho ông Đinh Phương H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 878.800đ (Tám trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng) theo biên lai thu số 0000058 ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang